

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2023/DS-PT
Ngày: 23/8/2023

V/v tranh chấp: “Quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Lê Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 620/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Cụ Trần Thị H, sinh năm 1920.
2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1958.
3. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961.
4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962.
5. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1966.
6. Ông Nguyễn Văn Mười H, sinh năm 1976
7. Ông Nguyễn Văn Mười B, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp M Th, xã M Đ T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp M T B, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của cụ H, bà L, ông Ú, ông Th, bà L, bà G: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền của cụ H, bà L, Ú, Th ngày 10/3/2021 và của bà G, L ngày 18/8/2022)

** Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1947.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Ngọc Dũng - Văn phòng Luật sư Phạm Ngọc Dũng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm 1989.

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988 (bị mất sức lao động).

Người đại diện hợp pháp của anh T: Bà Trần Thị L, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

** Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị B.

Ông Th, bà B, anh H, luật sư Dũng và ông H có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 các nguyên đơn thống nhất trình bày:* Khoản năm 1958, lúc còn chiến tranh, cụ Nguyễn Văn G có đến ấp M Hòa, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang chọn một phần đất hoang vu khai hoang đắp thành gò để ở tránh bom đạn. Đến năm 1975, sau khi đất nước thống nhất, cụ G cùng các con trở về đất vườn sinh sống nhưng vẫn làm ruộng tại phần đất gần gò đất và trồng dầu gió trên phần đất gò. Đến thời điểm nhà nước yêu cầu người dân kê khai quyền sử dụng đất. Cụ G được chính quyền địa phương công nhận thửa đất trên là của gia đình cụ và đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang ghi tên vào sổ mục kê ngày 18/9/2008. Gò đất hiện nay là thửa đất số 11, tờ bản đồ MTRC3, diện tích 1.097m² đã bị bà B, ông H ban ra làm ruộng.

Năm 2000, cụ G qua đời, cụ H và các con đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà B tranh chấp nên không làm được. Bà B, ông H đã tự ý ban gò đất để làm ruộng, đắp đường nước không cho nước vào

phần ruộng của gia đình cụ H canh tác liền kề gò đất trên.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H trả lại cho các đồng nguyên đơn thửa đất 11, tờ bản đồ MTRC3, diện tích 1.097m², phần đất tọa lạc tại ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu bà B, ông H liên đới khôi phục hiện trạng thửa đất như ban đầu. Nếu không thì phải trả chi phí khôi phục là 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bà B, ông H trả lại thửa đất số 11. Xin rút lại yêu cầu buộc bị đơn khôi phục hiện trạng thửa đất như ban đầu nếu không khôi phục thì phải hoàn trả chi phí khôi phục lại thửa đất là 50.000.000 đồng.

** Tại các biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:*

Thửa đất số 11, là đất của cha bà B (cụ Nguyễn Văn B) khai hoang. Giai đoạn chiến tranh, cụ B đã cho cụ G và gia đình ở nhờ để tránh bom đạn. Lúc cho ở nhờ, phần đất là khu đất bầu nên gia đình cụ G đã đắp gò đất để cất nhà. Đến khi đất nước thống nhất, cụ G đã trả phần đất trên lại cho cụ B. Việc cho ở nhờ và lúc trả đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ. Sau khi cụ G trả đất, cụ B đã cho phần đất trên cho bà B. Các bị đơn đã ban gò đất để trồng lúa và trực tiếp canh tác ổn định cho đến nay. Đến khoảng năm 2006, thời điểm nhà nước cấp đổi giấy đất theo dự án Vlap mới phát hiện gò đất do cụ G đứng tên nên các con cụ G khởi kiện đòi đất. Do đây là đất bà B được cho từ trước, không phải đất của cụ G khai hoang nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2022 và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Theo ông được biết, thời điểm trước giải phóng, phần đất tranh chấp là các bầu bỏ hoang không ai làm chủ. Khoảng năm 1966, cha ông, cụ G, cụ B bắt đầu khai hoang lên gò cất nhà ở tránh bom đạn. Như vậy ngoài gò đất thuộc thửa đất số 11 thì còn gò đất của cụ B và của cha ông. Do vùng đất trũng, ngập nước quanh năm nên năm 1984, nhà nước đào kênh 500 thoát nước cho người dân làm ruộng. Năm 1986, nhà nước bắt đầu thống kê đất của người dân để kê khai lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng ai khai hoang thì người đó được hưởng. Tại thời điểm kê khai, ông H là kế toán tập đoàn, nắm rõ đất của ai, ở vị trí nào nên nằm trong đoàn đi khảo sát và trực tiếp kê khai thửa đất số 11 cho cụ G. Sau khi kê khai, cụ G và các con cụ G quản lý từ thời điểm kê khai cho đến cách đây khoảng 3 năm anh H, bà B cho rằng là đất của mình nên đã tự ý ban gò đất làm ruộng, hai bên bắt đầu tranh chấp kéo dài cho đến nay. Theo ông thực tế thửa đất số 11 là của gia đình cụ G, không phải của gia đình bà B.

Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2022, đại diện chính quyền địa phương ấp M H ông Nguyễn Văn Th – Phó bí thư chi bộ ấp trình bày: Theo ông được biết thửa đất số 11 trước đây là gò đất của gia đình cụ G khai hoang, gia đình cụ G canh tác từ xưa đến giờ. Tranh chấp giữa gia đình cụ G và gia đình bà B đã

nhiều năm nay không phải tranh chấp kể từ thời điểm Vlap về đo đạc cấp đổi giấy đất.

Tại phiên tòa: Các nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bị đơn khôi phục lại thửa đất nếu không phải trả chi phí khôi phục là 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả lại cho các nguyên đơn thửa đất số 11. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 147, 217, 218, 219, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 235, 579, 580 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100, 170 của Luật đất đai; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ xét xử vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu yêu cầu buộc bị đơn khôi phục lại thửa đất nếu không phải trả chi phí khôi phục là 50.000.000 đồng.

2. Xác định: Thửa đất số 11, tờ bản đồ MTRC3, diện tích 1.097m² tọa lạc tại ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang là tài sản của gia đình cụ Nguyễn Văn G.

Buộc bà Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H giao trả cho các đồng nguyên đơn thửa đất số 11 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Phần đất có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị B gồm 02 đoạn (33,70m + 4,20m)

+ Hướng Tây giáp đất của bà Trần Thị L và đất ông Nguyễn Văn Th gồm 03 đoạn (1,81m + 0,47m + 34,77m).

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị N dài 32,69m.

+ Hướng Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị B dài 28,01m.

Các đồng nguyên đơn có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra hiện trạng và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ MTRC3, diện tích 1.097m² tọa lạc tại ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật. Trường hợp đất có biến động thì cơ quan cấp giấy có quyền chỉnh lý theo biến động đối với thửa đất số 11 để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, bị đơn Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có nhiều phân tích, lập luận trình bày: Có căn cứ bị đơn sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1975 đến nay, lời trình bày của nguyên đơn không có căn cứ chứng minh, lời trình bày của ông H là người làm chứng cho rằng kế toán trưởng tập đoàn kê khai dùm cho cụ G là không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ đòi quyền sử dụng đất là không chính xác vì chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Do bà B sử dụng đất ổn định lâu dài, cần giải quyết toàn diện vụ án, công nhận quyền sử dụng cho bà B, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn không chứng minh đất do cụ B cho ở nhờ, theo xác nhận đất do cụ G kê khai, bà B được cấp quyền sử dụng các thửa 9, 10, 12 nhưng không có thửa 11, cần thu thập thêm chứng cứ để làm rõ việc giải quyết vụ án. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

[II]- Nội dung vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cho biết diện tích đất tranh chấp là thửa số 11, tờ bản đồ MTRC3, có diện tích 1.097m² tại ấp M H, xã M T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là cụ Nguyễn Văn G (đã chết năm 2000, là chồng và cha của các nguyên đơn) có đứng tên trong sổ mục kê được xác nhận ngày 18/9/2008. Lời trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn thừa nhận diện tích đất tranh chấp do bị đơn là bà Nguyễn Thị B quản lý canh tác cùng với người con tên Nguyễn Văn H nên yêu cầu đòi lại quyền sử dụng.

[II.1]- Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thể hiện qua các văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung các ngày 29/11/2016, 16/02/2017, 27/3/2020 cho biết thửa đất tranh chấp ông Nguyễn Văn G có kê khai; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang ngày 19/5/2022 xác nhận, theo sổ mục kê đất đai của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung được phê duyệt ngày 18/9/2008, ông Nguyễn Văn G có đứng tên mục kê thửa đất tranh chấp. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn G chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo văn bản ngày 01/7/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Bè và xác nhận

của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè ngày 17/6/2022: “... cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có sổ mục kê lập trước ngày 18/12/1980 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận có nhiều nguyên nhân, như hộ dân có đến UBND xã để được hướng dẫn thủ tục theo quy định hay thửa đất có tranh chấp, khiếu nại...” (Căn cứ văn bản pháp luật tại Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

Như vậy, cụ Nguyễn Văn G có tên trong sổ mục kê được phê duyệt ngày 18/9/2008, nhưng không có đứng tên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[II.2]- Theo lời trình bày của nhiều người làm chứng, nhưng không thống nhất với nhau về nguồn gốc đất là cụ G canh tác, sử dụng hay do cụ Nguyễn Văn B (là cha của bà B) khai hoang cho cụ G ở nhờ, sau đó trả lại cho bà B canh tác sử dụng. Nhưng căn cứ vào lời trình bày của các nguyên đơn thừa nhận diện tích đất là bà B và anh H canh tác, từ đất gò ban bằng phẳng thành đất ruộng; đồng thời ông Phạm Quang T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung xác nhận ngày 06/7/2023 cho biết diện tích đất tranh chấp là do gia đình bà B canh tác trồng lúa. Do đó, có căn cứ diện tích đất là do gia đình bà B canh tác từ trước đây là đất gò, quá trình sử dụng san lấp bằng phẳng là đất ruộng như hiện nay.

[II.3]- Căn cứ về chứng cứ, cụ G có đứng tên mục kê được xác nhận ngày 18/9/2008; từ các văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung, xét thấy cần thiết nên ngày 11/7/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có văn bản đề nghị cung cấp hồ sơ ông Nguyễn Văn G đăng ký kê khai mục kê cụ thể vào thời gian nào, nhưng vẫn không nhận được trả lời và hồ sơ thể hiện. Như vậy, không xác định được cụ G thực hiện kê khai và đứng tên mục kê cụ thể từ thời gian nào, có kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không; theo quy định hướng dẫn tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có sổ mục kê lập trước ngày 18/12/1980 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Cụ G thì chỉ có tên trong mục kê được xác nhận ngày 18/9/2008, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; cụ mất vào năm 2000, không có chứng cứ từ khi cụ G còn sống có tranh chấp đất với bà B, đến năm 2020 thì vợ và các con là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ G mới có đơn khởi kiện tranh chấp. Không có căn cứ gia đình cụ G có canh tác sử dụng đất từ sau năm 1975 xuyên suốt, trong khi gia đình bà B quản lý canh tác diện tích đất như hiện nay.

[III]- Từ đó, trên những cơ sở pháp lý, phân tích đã nêu: Thửa đất tranh chấp chưa được làm rõ về nguồn gốc, căn cứ nào để làm cơ sở xác định diện tích đất thửa 11 là của cụ Nguyễn Văn G, trong khi cụ G mất năm 2000 nhưng sổ địa chính lại thể hiện diện tích đất này được cụ G kê khai năm 2008 là có mâu thuẫn, chưa có căn cứ thể hiện cụ G có tên sổ mục kê lập trước ngày 18/12/1980. Tại cấp phúc thẩm, có tiến hành thu thập tài liệu nguồn gốc đất nhưng không nhận được kết quả; bà B có cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 9, 10, 12 vào ngày 24/9/1997 và cho rằng bà canh tác xuyên suốt các thửa liền kề nhau, trong đó có cả thửa 11 nhưng không có hồ sơ thể hiện lý do bà B

không được cấp quyền sử dụng đối với thửa 11, đây là các tình tiết mới cần làm rõ để có cơ sở pháp lý vững chắc.

Trường hợp cụ G không có tên sổ mục kê lập trước ngày 18/12/1980, chưa có căn cứ lý do không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, thì vợ và các con của cụ G không được công nhận hưởng quyền thừa kế di sản của cụ G để lại để yêu cầu đòi quyền sử dụng đất; trong khi gia đình bà B quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài; từ đó xác định căn cứ pháp luật đất đai để công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp cho chủ thể nào nhằm giải quyết toàn diện nội dung vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bà B, cũng như yêu cầu khởi kiện của gia đình cụ G.

[IV]- Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn về đề nghị hủy bản án sơ thẩm được chấp nhận

Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang về việc tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất*”

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu

